

Số: 44./TB-TĐT

Krông Năng, ngày 24 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Phương án tổ chức dạy học các môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập lớp 10 năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT, ngày 03/08/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Danh mục sách giáo khoa được Hội đồng lựa chọn Sách giáo khoa Trường THPT Tôn Đức Thắng lựa chọn tại Biên bản số 76/TB-TĐT ngày 28/03/2022; Quyết định số 687/QĐ-SGDĐT ngày 30/6/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Đắk Lắk về việc công bố điểm chuẩn và số lượng trúng tuyển Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2025-2026.

Căn cứ vào đội ngũ cán bộ, giáo viên hiện tại của nhà trường; tình hình thực tế của năm học 2025-2026.

Trường THPT Tôn Đức Thắng Thông báo đến toàn thể học sinh, phụ huynh học sinh lớp 10 năm học 2025-2026 Phương án tổ chức dạy học các môn lựa chọn, chuyên đề lớp 10 năm học 2025-2026 như sau (có phụ lục kèm theo)

Trên đây là Thông báo Phương án tổ chức dạy học các môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập lớp 10 năm học 2025-2026; Nhận được thông báo này, đề nghị học sinh và phụ huynh học sinh khối 10 xem xét lại các môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập và thực hiện đăng ký các môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập để xếp lớp bằng phiếu đăng ký (theo mẫu) và nộp về bộ phận nhập học theo lịch nhập học (sẽ thông báo sau)./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo, TK HĐGD;
- TTCM, GVBM;
- Các tổ chức CT-XH;
- Học sinh, PHHS;
- Niêm yết: Bảng TB, Website;
- Lưu: CM, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Hữu Hải

CÁC PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC MÔN LỰA CHỌN, CỤM CHUYÊN ĐỀ LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Thông báo số 144/TB-TĐT ngày 04/07/2025 của Trường THPT Tôn Đức Thắng)



Phương án	Các môn học lựa chọn				Cụm chuyên đề học tập			Số lớp	Số học sinh	KHỐI	GHI CHÚ
PA1	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lý	Hóa học	2	88	A, A1, B, D, T	
PA2	Vật lý	Hóa học	Công nghệ (TKKT)	Tin học	Toán	Vật lý	Hóa học	2	88	D, A1, V, T	
PA3	Sinh học	Địa lý	GDKT&PL	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	1	44	C, D, T, G	
PA4	Sinh học	Địa lý	GDKT&PL	Công nghệ (NN-TT)	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	2	86	C, D, T, G	
TỔNG CỘNG								7	308		